

Liên kết kinh tế vùng Tây Nguyên

Hà Thị Hồng Vân¹

¹ Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

Email: hahongvan2006@yahoo.com

Nhận ngày 10 tháng 1 năm 2017. Chấp nhận đăng ngày 13 tháng 2 năm 2017.

Tóm tắt: Liên kết kinh tế vùng không những tạo động lực phát triển kinh tế mà còn giúp các vùng khó khăn thực hiện tốt việc bảo tồn tài nguyên, sinh thái, ổn định an ninh, chính trị, xã hội. Đối với Tây Nguyên, liên kết kinh tế vùng có ý nghĩa rất quan trọng; phát huy được những lợi thế so sánh để phát triển mạnh mẽ, bền vững; phát huy hiệu quả kinh tế dựa trên quy mô lớn hơn; tạo sự hợp tác hiệu quả giữa Tây Nguyên với các vùng Nam Trung Bộ, Nam Bộ và các vùng miền khác trên cả nước; hạn chế được những bất lợi về vốn, công nghệ...

Từ khóa: Liên kết kinh tế, vùng Tây Nguyên.

Abstract: Regional economic linkage not only creates driving forces for economic development, but also helps disadvantaged areas well preserve the natural and ecological resources and ensure the security and socio-political stability. For Tay Nguyen, or the Central Highlands, the linkage bears important significance, bringing into full play the local competitive advantages for strong and sustainable development, boosting the economic development based on a larger scale. Thanks to the linkage, the cooperation between Tay Nguyen and the Southern Central, Southern and other regions of the country is more effective, overcoming the constraints in terms of capital and technologies...

Keywords: Economic linkage, Tay Nguyen (the Central Highlands).

1. Đặt vấn đề

Vùng Tây Nguyên được thành lập theo Quyết định số 1194/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 22 tháng 7 năm 2014, gồm 5 tỉnh: Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng. Đây là một trong sáu vùng kinh tế trọng điểm của Việt Nam có tiềm năng lớn cho phát triển kinh

tế, trong đó kinh tế nông nghiệp, nông thôn đóng vai trò mũi nhọn. Liên kết phát triển kinh tế vùng Tây Nguyên là một giải pháp hiệu quả để phát huy những lợi thế đặc thù, đồng thời tháo gỡ những rào cản về không gian phát triển chung của Tây Nguyên. Bên cạnh những thuận lợi, quá trình liên kết cũng gặp phải những khó khăn nhất định. Bài viết phân tích những thuận lợi, khó

khẩn và giải pháp đẩy mạnh liên kết kinh tế vùng Tây Nguyên².

2. Thuận lợi trong liên kết kinh tế vùng Tây Nguyên

2.1. Điều kiện địa lý, tự nhiên

+ Vị trí địa lý: Tây Nguyên nằm trong vùng địa lý tương đối đặc thù, có nhiều điều kiện để phát triển liên kết kinh tế vùng. Phía đông Tây Nguyên là duyên hải miền Trung với hàng loạt khu kinh tế lớn (như Chu Lai, Chân Mây, Dung Quất...). Tây Nguyên lại nằm trong vùng Tam giác phát triển (Việt Nam - Lào - Campuchia) với các chương trình hợp tác đang triển khai, các cửa khẩu quốc tế và khu thương mại dọc biên giới đã hình thành. Đến nay, vùng Tây Nguyên đã có 2 cửa khẩu quốc tế và khu thương mại là Bờ Y (Kon Tum) và Lệ Thanh (Gia Lai), 3 cửa khẩu quốc gia ở Đăk Lăk và Đăk Nông. Các địa phương vùng Hạ Lào và Đông Bắc Campuchia từ lâu có nhu cầu kết nối với hệ thống cảng biển ở miền Trung, trong đó Tây Nguyên đóng vai trò trung chuyển với các quốc lộ 19, 24.

+ Hệ thống cơ sở hạ tầng: Tây Nguyên có 2 phương thức vận tải chính là đường bộ và đường hàng không. Trong đó, đường bộ có tổng chiều dài trên 35.600 km, riêng quốc lộ có trên 3.000 km gồm 2 trục dọc quan trọng là đường Hồ Chí Minh và quốc lộ 14C chạy dọc biên giới; các tuyến quốc lộ ngang quan trọng gồm 19, 20, 24, 25, 26, 27... Trong giai đoạn 2006-2015, nhiều công trình giao thông trọng yếu đã được đầu tư hoàn thành làm thay đổi hoàn toàn diện mạo khu vực như đường Hồ Chí Minh qua Tây Nguyên, quốc lộ 19, 20... Với điều kiện phát triển đặc thù, hệ thống cơ sở hạ

tầng của Tây Nguyên sẽ tạo thuận lợi cho liên kết kinh tế vùng, đặc biệt là liên kết kinh tế Bắc - Nam, kết nối khu vực với vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và Đông Nam Bộ để phát triển trung tâm kinh tế lớn của toàn vùng và hình thành các trung tâm chuyên ngành mới; liên kết kinh tế Đông - Tây, kết nối Tây Nguyên với các vùng duyên hải Nam Trung Bộ, kết nối với Lào, Campuchia và các nước tiểu vùng sông Mê Kông để đẩy mạnh phát triển các trung tâm kinh tế tiểu vùng, các cụm công nghiệp, phát triển du lịch liên vùng và thúc đẩy thương mại, đầu tư.

+ Tiềm năng phát triển: tiềm năng lớn nhất của Tây Nguyên là gần 2 triệu ha đất đỏ bazan (chiếm 74% diện tích đất bazan cả nước) giàu dinh dưỡng và phân bố trên những mặt bằng rộng lớn. Đây là điều kiện lý tưởng để phát triển các vùng chuyên canh cây công nghiệp đại quy mô. Chỉ riêng đối với cây cà phê, tính đến nay Tây Nguyên đã xây dựng vùng chuyên canh nửa triệu ha, chiếm khoảng 90% diện tích cả nước. Tây Nguyên cũng là vùng chuyên canh cây cao su lớn nhất sau Đông Nam Bộ, với 260.000 ha tính đến năm 2015. Nếu như Đăk Lăk, Gia Lai là vùng chuyên canh cà phê, cao su lớn cả nước thì vùng Lâm Đồng là "thủ phủ" của ngành chè và dâu tằm (chủ yếu tập trung ở Di Linh, Bảo Lộc và Bảo Lâm). Điều này cho thấy, lợi thế về cây công nghiệp của Tây Nguyên không chỉ là quy mô lớn, mà còn ở tính đa dạng, phân bố theo các tiểu vùng địa lý khác nhau. Sau khi Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) và Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP), Tây Nguyên là vùng kinh tế có cơ hội lớn về xuất khẩu các mặt hàng chủ lực như cà phê, cao su, dâu tằm, khoáng sản và đồ gỗ chế biến...

Tây Nguyên cũng có nhiều tiềm năng cho phát triển du lịch theo hướng liên kết vùng. Sự phát triển của du lịch Tây Nguyên không thể tách rời với sự phát triển của du lịch vùng duyên hải Nam Trung Bộ, và xa hơn là với vùng đồng bằng sông Cửu Long, vùng Bắc Trung Bộ... Việc đẩy mạnh mối liên kết hợp tác liên vùng, hướng ra biển của du lịch vùng Tây Nguyên, một mặt sẽ góp phần đa dạng hóa các sản phẩm du lịch Tây Nguyên, mặt khác góp phần nâng cao hiệu quả của các hoạt động du lịch, đảm bảo cho việc phát triển du lịch bền vững.

2.2. Cơ chế, chính sách

Phát triển vùng kinh tế Tây Nguyên được thực hiện thông qua một số cơ chế, chính sách như: Nghị quyết số 10-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 18 tháng 1 năm 2002 về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng - an ninh vùng Tây Nguyên thời kỳ 2001-2010; Kết luận số 12-KL/TW của Bộ Chính trị ngày 24 tháng 10 năm 2011 về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết 10-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa IX) về phát triển vùng Tây Nguyên thời kỳ 2011-2020, cùng với nhiều chủ trương, chính sách quan trọng của Chính phủ. Trong Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên đến năm 2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Tây Nguyên được xác định là vùng kinh tế động lực về nông lâm nghiệp, hàng xuất khẩu, khai thác và chế biến khoáng sản. Vào cuối năm 2013, Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị (Khóa IX) về phát triển vùng Tây Nguyên thời kỳ 2011-2020, trong đó yêu cầu tăng cường hợp tác giữa các địa phương trong vùng và các địa phương khác ngoài vùng. Ngày 22 tháng 7 năm 2014,

Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quyết định số 1194/QĐ-TTg với mục tiêu xây dựng phát triển vùng Tây Nguyên đến năm 2030 trở thành một vùng giàu về kinh tế, vững về chính trị, phát triển nhanh về văn hóa - xã hội, mạnh về quốc phòng - an ninh, bảo tồn bản sắc văn hóa đặc trưng; vùng kinh tế động lực của cả nước về sản xuất nông, lâm nghiệp hàng hóa phục vụ xuất khẩu, đưa Việt Nam trở thành một trong những quốc gia xuất khẩu cà phê lớn trên thế giới; một cao nguyên xanh...

3. Khó khăn trong liên kết kinh tế vùng Tây Nguyên

Thứ nhất, liên kết kinh tế vùng cần phải theo quy hoạch tổng thể giữa các tỉnh thuộc vùng Tây Nguyên và giữa Tây Nguyên với các vùng lân cận. Tuy các quy hoạch của từng tỉnh hiện nay đã có, nhưng các tỉnh Tây Nguyên vẫn chủ yếu làm theo quy hoạch riêng của mình và chưa có sự phát triển thống nhất cho toàn vùng Tây Nguyên. Mặc dù trong thời gian qua, Việt Nam đã thành lập các khu kinh tế ở duyên hải miền Trung để làm cầu nối liên kết phát triển ngành công nghiệp chế biến và xuất khẩu nông, lâm sản của Tây Nguyên, nhưng liên kết kinh tế giữa Tây Nguyên và các tỉnh duyên hải miền Trung vẫn rất yếu. Cho đến nay, vùng kinh tế trọng điểm phía Nam vẫn phải đảm nhận vai trò "đầu ra" cho Tây Nguyên trong điều kiện khó khăn hơn về khoảng cách địa lý và giao thông. Nếu như liên kết kinh tế nội vùng ở Tây Nguyên gặp khó khăn do quy hoạch manh mún, thì sự liên kết kinh tế giữa Tây Nguyên và duyên hải miền Trung gắn với hành lang Đông - Tây còn rất thiếu hụt cả về cơ chế chính sách, cơ sở hạ tầng và quy hoạch không gian liên kết.

Thứ hai, liên kết kinh tế vùng Tây Nguyên còn gặp nhiều khó khăn do hạ tầng giao thông kém phát triển. Hiện nay, dự án nâng cấp, mở rộng quốc lộ 14A đã tạo điều kiện để kết nối, lưu thông hàng hóa giữa 4 tỉnh: Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông với Tp. Hồ Chí Minh và khu vực Đông Nam Bộ và nhiều dự án xây dựng mới hoặc nâng cấp giao thông giữa các tỉnh ở Tây Nguyên và giữa Tây Nguyên với các vùng khác trong cả nước đã và đang được tiến hành. Dù vậy, kết cấu hạ tầng giao thông tại Tây Nguyên chưa thực sự đảm bảo lưu thông hàng hóa và hành khách với tốc độ cao nhằm tạo thuận lợi cho kết nối vùng và liên vùng. Tây Nguyên chưa có đường sắt và giao thông đường không nổi tuyến quốc tế. Ngoài ra, việc huy động vốn đầu tư phát triển hạ tầng ở hầu hết 5 tỉnh Tây Nguyên vẫn chưa đáp ứng nhu cầu; chưa có cơ chế tăng cường sự điều phối nhằm kết nối nội vùng và ngoại vùng. Hệ thống kết cấu hạ tầng nói chung manh mún, lạc hậu, chưa hình thành các cực tăng trưởng, kém tính kết nối, làm giảm khả năng thu hút đầu tư. Đây là những “điểm nghẽn” của quá trình phát triển kinh tế - xã hội ở Tây Nguyên nói chung và liên kết kinh tế vùng ở Tây Nguyên nói riêng.

Thứ ba, các chuỗi liên kết ngành, sản phẩm ở Tây Nguyên vẫn còn rất yếu, gây khó khăn trong mở rộng liên kết kinh tế vùng. Hiện nay, liên kết chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp ở Tây Nguyên bước đầu đã hình thành đối với một số sản phẩm. Tuy nhiên, chuỗi liên kết này vẫn còn nặng tính tự phát; quy mô sản xuất tăng theo chiều rộng và sơ chế thô, chưa có sự kết nối giữa sản xuất - chế biến - thị trường, từ cung ứng các yếu tố đầu vào đến chế biến, tiêu thụ sản phẩm cuối cùng để tạo ra những sản phẩm có khả năng tiếp cận trực tiếp vào

chuỗi giá trị toàn cầu với thương hiệu và giá trị gia tăng cao chưa rõ ràng. Điều này lý giải vì sao cà phê, tiêu, điều, cao su ở Tây Nguyên, mặc dù là những sản phẩm nông nghiệp chiếm phần lớn sản lượng của cả nước, nhưng sản xuất từ nhiều loại giống khác nhau, công nghệ, kỹ thuật canh tác, thu hoạch, bảo quản, chế biến lạc hậu, sản phẩm không đồng chất lượng nên thị trường bấp bênh, không ổn định. Mặt khác, do chưa liên kết sản xuất với chế biến, tiêu thụ để làm chủ thị trường, nhiều nông sản Tây Nguyên còn bị doanh nghiệp nước ngoài chen ép, chiếm lĩnh thị trường thương hiệu.

4. Giải pháp đẩy mạnh liên kết kinh tế vùng Tây Nguyên

Thứ nhất, cần tiếp tục nghiên cứu để xây dựng quy hoạch vùng Tây Nguyên theo hướng chất lượng, thực tế và hiệu quả. Cần phải hiện thực hoá Quyết định số 1194/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về Quy hoạch xây dựng vùng Tây Nguyên đến năm 2030. Cần đổi mới tư duy quy hoạch phát triển hạ tầng giao thông, quy hoạch chuỗi giá trị sản phẩm và ngành hàng, quy hoạch cụm kinh tế, du lịch... theo hướng thúc đẩy phân công và hợp tác vùng, tránh tình trạng manh mún, manh ngành nào ngành đó làm; đồng thời cần thực hiện hệ thống theo dõi, giám sát và đánh giá quy hoạch để mang lại hiệu quả cao hơn trong công tác quy hoạch không gian phát triển vùng Tây Nguyên trong môi liên kết nội vùng và ngoại vùng.

Thứ hai, Tây Nguyên phải nghiên cứu, đề xuất sửa đổi và ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù tạo điều kiện thực hiện liên kết kinh tế vùng nhằm tăng cường sự phối hợp bộ ngành với các địa phương trong xây dựng các quy hoạch kết cấu hạ

tầng kinh tế - xã hội và quy hoạch ngành, sản phẩm chủ yếu; huy động hiệu quả các nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng giao thông, hoàn chỉnh hệ thống giao thông liên kết các tỉnh Tây Nguyên với nhau và với các tỉnh Nam Trung Bộ, Đông Nam Bộ, với các tỉnh của Lào, Campuchia trong khu vực tam giác phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam; phát triển các cửa khẩu hiện có và dự kiến đầu tư giai đoạn tới nâng cấp cửa khẩu quốc tế Đắc Ruê, Đắc Per; hình thành hệ thống giao thông thông suốt, góp phần thúc đẩy hợp tác phát triển kinh tế - xã hội khu vực theo các cam kết giữa 3 Chính phủ Campuchia, Lào và Việt Nam.

Đối với các địa phương trong vùng Tây Nguyên, cần rà soát, điều chỉnh và bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của địa phương cho phù hợp với quy hoạch vùng Tây Nguyên của Chính phủ, đảm bảo tính thống nhất, liên kết và phối hợp hiệu quả giữa các tỉnh trong vùng Tây Nguyên.

Thứ ba, cần phải đánh giá lại các chính sách xã hội, dân tộc, tôn giáo, an ninh của vùng Tây Nguyên và chú ý đến các giá trị đặc thù về dân tộc, địa lý của Tây Nguyên để có những chính sách cụ thể, phù hợp và hiệu quả. Phát triển liên kết kinh tế vùng Tây Nguyên cần phải gắn với quy hoạch chi tiết về phát triển đô thị, trong đó cần tính đến quy hoạch không gian chung và riêng, để vừa phù hợp với đặc trưng của từng dân tộc, vừa đảm bảo lợi ích kinh tế từ quy hoạch.

5. Kết luận

Liên kết kinh tế vùng là một vấn đề lớn và khó, rất cần sự phối hợp hiệu quả trong liên kết xây dựng quy hoạch, đầu tư, xây dựng cơ chế chính sách, lựa chọn sản phẩm và ngành hàng trong chuỗi giá trị sản xuất và

cung ứng. Đối với Tây Nguyên hiện nay, việc liên kết giữa các tỉnh Tây Nguyên bước đầu đã có sự phối hợp, nhưng chưa có hiệu quả. Để phát huy hơn nữa những tiềm năng, lợi thế của vùng trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay, vùng Tây Nguyên cần đẩy mạnh liên kết kinh tế vùng để tối ưu hóa nguồn lực, nâng cao sức cạnh tranh của vùng.

Chú thích

² Bài viết là kết quả của đề tài khoa học cấp Nhà nước “Xác định lĩnh vực lợi thế đặc thù của Tây Nguyên trong bối cảnh Việt Nam tham gia Cộng đồng Kinh tế ASEAN và thực hiện các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới”, mã số TN16/X01.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ Ngoại giao & UBND tỉnh Lâm Đồng (2016), *Hội nghị khu vực Tây Nguyên ngày 20-21/7/2016 về “Hội nhập quốc tế và phát triển bền vững”*, Lâm Đồng.
- [2] Nguyễn Duy Mậu (2015), “Nâng cao năng lực cạnh tranh ngành du lịch khu vực Tây Nguyên khi tham gia TPP”, Tạp chí *Tài chính*, số 623.
- [3] Bùi Nhật Quang (2014), “Phát triển Lâm Đồng: kết nối vùng và một vài gợi ý về chiến lược hướng Đông”, Tạp chí *Nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông*, số 12.
- [4] Nguyễn Quang Thuần (2015), *Báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học Đề tài TN3/X02 “Tây Nguyên trong hợp tác phát triển kinh tế - xã hội xuyên biên giới vùng tam giác phát triển Việt Nam - Lào - Campuchia”*, Hà Nội.
- [5] Bùi Quang Tuấn, Vũ Ngọc Quyên (2014), “Phát triển chuỗi giá trị hoa: nghiên cứu trường hợp tỉnh Lâm Đồng”, Tạp chí *Nghiên cứu Kinh tế*, số 11.
- [6] Lê Anh Vũ (2016), *Báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học Đề tài TN3/X16 “Liên kết nội vùng trong phát triển bền vững vùng Tây Nguyên”*, Hà Nội.

